

Bản án số: 17/2024/DS - ST

Ngày: 19-6-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thúy Hằng và ông Trần Minh Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 88/2023/TLST - DS ngày 07/11/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2024/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Như T, sinh năm 1994; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã XP, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1980; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm G, xã QN, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Do có quan hệ quen biết nhau từ lâu và cần tiền mua đất nên chị T có hỏi vay chị T tiền. Những lần vay trước chị T đều trả đầy đủ, nên ngày 05/02/2020, chị T tin tưởng cho chị T vay số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là 12 tháng, thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng. Chị T đã giao cho chị T đầy đủ số tiền này, đồng thời còn cho chị T vay 01 dây chuyền, 01 đôi vòng tai 2,5 chỉ vàng tây có mặt đá, giá trị 15.000.000đ. Giấy vay tiền và vay vàng do chị T viết và ký vào. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T chưa T toán cho chị khoản tiền và vàng nào. Đến thời hạn trả, chị đã đòi nhiều lần nhưng chị T không trả, thậm chí chị T đi khỏi địa phương cũng không thông báo cho chị biết. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu chị T phải trả số tiền gốc 500.000.000đ, tiền lãi 183.000.000đ và tiền số vàng tây 15.000.000đ. Nay chị T yêu cầu chị T trả số tiền nợ gốc 500.000.000đ, tiền lãi 0,83%/ tháng kể từ tháng 3 năm 2021 đến tháng 5 năm 2024 là 157.700.000đ và 2,5 chỉ vàng tây là 6.500.000đ, tổng cộng là 664.200.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Hồ Thị T trình bày:

Chị T thừa nhận có vay tiền của chị T từ năm 2021 nhiều lần, lần nhiều nhất là 50.000.000đ, lần ít nhất là 15.000.000đ. Số tiền này chị T vay để làm kinh tế, giấy vay là do chị viết. Tổng số tiền vay là 250.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 30%/tháng/ số tiền vay, thời gian trả là trong vòng một tháng, khi vay chỉ có chị T và chị ngoài ra không có ai chứng kiến. Trong tổng số tiền vay gốc 250.000.000đ chị đã trả được cho chị T 78.000.000đ (hai lần trả 30.000.000đ, một lần trả 12.000.000đ và lần cuối trả 6.000.000đ). Nên nay chị còn nợ chị T 172.000.000đ. Việc chị trả nợ cho chị T chị không có giấy tờ gì chứng minh. Giấy vay đề ngày 05/2/2020 ghi chị nợ chị T 500.000.000đ là không đúng. Vì giấy vay được viết vào khoảng tháng 8 năm 2023 khi chị T vào miền Nam yêu cầu chị viết giấy vay nợ, chữ viết và chữ ký trong giấy này là của chị. Đối với số vàng tây, chị có thừa nhận vay số vàng tây 2,5 chỉ vào giữa năm 2022, khi chị bán số vàng này thì được 6.500.000đ, nên chỉ đồng ý trả 6.500.000đ, không đồng ý số vàng với giá 15.000.000đ như chị T yêu cầu. Nay chị T yêu cầu trả số tiền gốc 500.000.000đ, lãi 183.000.000đ và tiền vàng tây trị giá 15.000.000đ, tổng cộng là 698.000.000đ, thì chị không nhất trí, vì chị chỉ còn nợ chị T tiền gốc 172.000.000đ và tiền vàng tây là 6.500.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những

người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Và phát biểu về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Hồ Thị T có nghĩa vụ trả tiền cho chị Phạm Thị T số tiền gốc 500.000.000đ, lãi suất 157.700.000đ và tiền vàng tây là 6.500.000đ, tổng cộng là 664.200.000đ và buộc chị Hồ Thị T nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T yêu cầu chị Hồ Thị T trả nợ, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm G, xã QN, huyện QL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét giấy vay tiền ngày 05 tháng 2 năm 2020, giữa chị Phạm Thị T và chị Hồ Thị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp với quy định pháp luật, và không trái với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên. Chị T cho rằng giấy vay ngày 05/2/2020 mà chị T làm tài liệu khởi kiện chị thực chất không phải là thời gian ngày 05/2/2020 mà là viết vào khoảng tháng 8 năm 2023, khi chị T vào Nam tìm gặp chị T. Tuy nhiên chị T thừa nhận đã viết và ký tên vào giấy vay, thừa nhận có vay của chị T nhiều lần nhưng vay từ năm 2021. Do đó việc chị T khai giấy vay này viết vào khoảng tháng 8 năm 2023 là không có căn cứ.

Về số tiền vay và nội dung thỏa thuận khi vay tiền, chị T khai chị vay tiền chị T nhiều lần từ năm 2021, lần nhiều nhất là 50.000.000đ lần ít nhất là 15.000.000đ nhưng tổng số tiền vay là 250.000.000đ. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của chị T thừa nhận toàn bộ giấy vay tiền là do chị ghi và ký vào, chị T là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nhận biết bình thường, nên việc chị khai chị vay chị T 250.000.000đ nhưng chị lại ghi vay chị T số tiền 500.000.000đ là không hợp lý. Đồng thời chị T khai đã trả được 78.000.000đ, nay chị có nợ 172.000.000đ nhưng

chị T không có căn cứ nào chứng minh cho lời trình bày của chị về việc đã trả nợ cho chị T.

Như vậy có đủ căn cứ để buộc chị Hồ Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Phạm Thị T số tiền gốc 500.000.000đ theo giấy vay tiền đề ngày 05/2/2020.

[2.2]. Về lãi suất, chị T khai việc vay tiền trên lãi suất 30%/tháng/ số tiền vay nhưng căn cứ vào giấy vay đề ngày 05/2/2020 do chị T viết thì chị T và chị T thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng và thời hạn trả nợ là 12 tháng do đó xác định đây là hợp đồng vay có lãi suất và có kỳ hạn. Quá trình giải quyết vụ án, chị T chỉ yêu cầu chị T trả lãi suất 0,83%/tháng kể từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 5 năm 2024 là mức lãi suất mà pháp luật cho phép, nên cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn về việc buộc chị T trả tiền lãi từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 5 năm 2024 là 157.700.000đ.

[2.3]. Về số vàng tây, căn cứ vào giấy vay ngày 05/2/2020 và lời khai của nguyên đơn, bị đơn; có cơ sở khẳng định chị T vay của chị T số vàng tây là 2,5 chỉ vàng. Chị T chỉ bán được số vàng này với giá 6.500.000đ, chị T cũng thống nhất mức tiền của vàng tây 2,5 chỉ là 6.500.000đ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số vàng tây 2,5 chỉ tính ra tiền là 6.500.000đ.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí là 28.800.000đ của số tiền 664.200.000đ phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T

Buộc chị Hồ Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị Phạm Thị T tổng cộng số tiền 664.200.000đ (Sáu trăm sáu mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng) theo giấy vay nợ ngày 05 tháng 2 năm 2020, (trong đó: nợ gốc 500.000.000đ, tiền lãi suất 157.700.000đ và số tiền 2,5 chỉ vàng tây 6.500.000đ).

3. Về án phí: Chị Hồ Thị T nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.568.000đ (Ba mươi triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị T số tiền tạm ứng phí 15.920.000đ mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai thu tiền số 0005275 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

5. Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà

